

**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA ĐỊNH KỲ HỌC KÌ II**  
**BỘ MÔN: NGỮ VĂN 8**  
**NĂM HỌC: 2024-2025**

**PHẦN 1: KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**A. PHÂN ĐỌC**

**I. Tri thức Ngữ Văn về thơ Đường luật**

| <b>Tìm hiểu về thơ Đường luật</b> |   |
|-----------------------------------|---|
| <b>1. Xuất xứ</b>                 | Xuất hiện từ thời nhà Đường (Trung Quốc); hiện nay phổ biến ở các nước khu vực văn hoá Đông Á.  |
| <b>2. Thể thơ chính</b>           | 2 thể chính:<br>- Bát cú Đường luật<br>- Tứ tuyệt Đường luật  |
| <b>3. Đặc điểm nghệ thuật</b>     | - Quy định nghiêm ngặt về hoà thanh, về niêm, đối, vần và nhịp.<br>- Ngôn ngữ: cô đọng, hàm súc.<br>- Bút pháp: tả cảnh ngụ tình; lấy động tả tĩnh, lấy động tả tĩnh, lấy điểm tả diện,...  |
| <b>4. Đặc điểm nội dung</b>       | - Thể hiện tâm sự, cảm xúc của tác giả về thiên nhiên, thời cuộc, thân phận con người.<br>- Ý thơ thường gắn với mối quan hệ giữa cảnh và tình, tĩnh và động, thời gian và không gian, quá khứ và hiện tại, hữu hạn và vô hạn,... |

**So sánh thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật và Tứ tuyệt Đường luật**

| <b>So sánh</b>                   | <b>Thất ngôn bát cú Đường luật</b>   | <b>Tứ tuyệt Đường luật</b>                        |
|----------------------------------|--|---|
| <b>1. Số câu, số chữ</b>         | 8 câu – mỗi câu 7 chữ  | 4 câu – mỗi câu có 5 chữ hoặc 7 chữ               |
| <b>2. Bố cục</b>                 | 4 cặp câu tương ứng 4 phần: đề - thực – luận – kết   | 4 câu được triển khai: khai – thừa – chuyển – hợp |
| <b>3. Niêm và luật bằng trắc</b> | - Về luật bằng trắc:<br>+ Nếu chữ thứ 2 của câu thứ nhất là thanh bằng thì bài thơ thuộc luật bằng.<br>Nếu chữ thứ 2 của câu thứ nhất là thanh trắc thì bài thơ thuộc luật trắc.<br>+ Các thanh bằng, trắc phải đan xen nhau trong một câu đảm bảo sự hài hoà, | Cơ bản giống thể bát cú.                          |

|                       |  |   |
|-----------------------|--|---|
|                       | cân bằng: ở chữ 2, 4, 6 trong mỗi cặp câu phải ngược nhau về thanh bằng, trắc.<br>- <b>Về niêm</b> (dính): chữ thứ 2 của hai cặp câu liền nhau (câu 2 và câu 3, câu 4 và câu 5, câu 6 và câu 7, câu 1 và câu 8) phải cùng thanh. |   |
| <b>4. Vần và nhịp</b> | - <b>Gieo vần:</b> Chỉ gieo 1 vần (vần bằng) ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8. Riêng vần của câu thứ nhất có thể linh hoạt.<br>- Ngắt nhịp: thường ngắt nhịp 4/3.  | - <b>Gieo vần:</b> gieo một vần ở cuối các câu 1, 2, 4.<br>- Ngắt nhịp: thường ngắt nhịp 4/3. |
| <b>5. Đối</b>         | Chủ yếu sử dụng phép đối ở hai câu thực và hai câu luận.   | Không bắt buộc phải đối.  |

## II. Truyện

### 1. Một số đặc điểm của văn bản truyện

- *Nhân vật chính* là nhân vật quan trọng nhất của truyện, có những hành động, quyết định tác động đến cốt truyện và diễn tiến các sự kiện trong truyện, thể hiện rõ nhất tư tưởng, chủ đề của truyện.
- *Chi tiết tiêu biểu* là những chi tiết chọn lọc, có giá trị biểu đạt và thẩm mỹ vượt trội trong truyện, có thể mang lại sự bất ngờ, gây chú ý hoặc sự thích thú đối với người đọc và góp phần quan trọng trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.

### 2. Tư tưởng của tác phẩm văn học

- Là sự nhận thức, lí giải và thái độ của tác giả đối với toàn bộ nội dung của tác phẩm văn học, cũng như những vấn đề về cuộc sống con người được đặt ra trong tác phẩm.
- Tư tưởng được biểu hiện qua hình tượng nghệ thuật, qua đề tài, chủ đề, qua cảm hứng chủ đạo.

### 3. Các dạng câu hỏi/yêu cầu về thể loại truyện thường gặp.

#### a. Yêu cầu ở mức nhận biết

- Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật chính, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.

#### b. Yêu cầu ở mức thông hiểu

- Tóm tắt được cốt truyện.
- Nêu được chủ đề của văn bản.
- Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu.
- Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện.

- Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.

### c. Yêu cầu ở mức vận dụng

- Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.
- Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản.

## 4. Cách làm câu hỏi phần tự luận

- **Dạng 1:** Em hiểu chi tiết nào như thế nào? Chi tiết này giúp em cảm nhận điều gì về nhân vật?

### Cách trả lời:

+ Lí giải về các từ ngữ chỉ hành động, suy nghĩ,... của nhân vật có trong câu/chi tiết (nếu cần).

+ Diễn giải lại nội dung của câu văn (theo các vế câu, từ chìa khóa).

- Câu văn/chi tiết đó giúp em hiểu được đặc điểm tính cách của nhân vật thế nào, từ đó rút ra ý nghĩa tác phẩm trong phạm vi đoạn trích.

- **Dạng 2:** Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ/ lựa chọn ngôi kể/ tình huống truyện/ cách kết thúc truyện ... trong...?

### Cách trả lời:

+ **Gọi tên** biện pháp tu từ, **chỉ rõ** từ ngữ/hình ảnh chứa biện pháp; gọi tên ngôi kể (thứ nhất/thứ ba)/ tình huống truyện/ cách kết thúc truyện/...

+ Nêu hiệu quả, trả lời các câu hỏi:

++ Về nội dung: Sử dụng biện pháp tu từ/ ngôi kể/ tình huống/... nhằm nhấn mạnh/khẳng định vẻ đẹp/ tính cách nào của nhân vật, nổi bật sự việc, có ý nghĩa ra sao gì? Thể hiện thái độ/ tình cảm gì của tác giả về sự việc, nhân vật được kể?

++ Về nghệ thuật: Biện pháp tu từ/ngôi kể/ tình huống, ... có giúp câu văn (tác phẩm) giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn không?

- **Dạng 3: Rút ra bài học sâu sắc nhất/ thông điệp có ý nghĩa nhất từ đoạn trích và lí giải vì sao.**

+ Nêu ra 01 bài học/ thông điệp, gắn liền với nội dung chính của đoạn trích (không chép nguyên văn một câu văn trong đoạn trích).

+ Có giá trị nhân văn.

+ Diễn đạt bằng 01 câu đơn.

+ Lí giải tại sao chọn bài học, thông điệp đó (2 - 3 lí do).

## III. Văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim

### 1. Khái niệm

- Văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim thuộc kiểu văn bản thông tin, trong đó người viết cung cấp các thông tin về một cuốn sách hoặc bộ phim, đồng thời trình bày cảm nhận, đánh giá của người viết nhằm giới thiệu, khuyến khích mọi người đọc cuốn sách hoặc xem bộ phim đó.

## 2. Đặc điểm thể loại

- Cấu trúc văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim thường gồm các phần sau:

+ **Phần 1:** Nêu một số thông tin về: tên cuốn sách, tác giả hoặc tên bộ phim, đạo diễn, diễn viên, người quay phim, ... trình bày ấn tượng hoặc nêu nhận xét khái quát của người viết đối với cuốn sách/ bộ phim.

+ **Phần 2:** tóm tắt ngắn gọn nội dung cuốn sách/ bộ phim và trình bày nhận xét, đánh giá của người viết về giá trị của cuốn sách/ bộ phim.

+ **Phần 3:** khẳng định giá trị của cuốn sách/ bộ phim và đề xuất/ khuyến khích mọi người nên đọc/xem.

- Văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim có thể có sa-pô (sapo), đoạn nằm ngay dưới nhan đề văn bản, nhằm giới thiệu tóm tắt nội dung bài viết và thu hút sự chú ý của người đọc.

- Loại văn bản này thường sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (hình ảnh từ cuốn sách/ bộ phim được giới thiệu) để truyền tải thông tin sinh động, hiệu quả.

## 3. Cách đọc hiểu thể loại VB thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim

- Xác định mục đích viết của VB.

- Tìm thông tin cơ bản của văn bản và các thông tin chi tiết góp phần thể hiện thông tin cơ bản.

- Xác định cấu trúc của VB

- Chỉ ra hiệu quả của việc kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ (nếu có) với phương tiện ngôn ngữ trong VB.

## 4. Các dạng câu hỏi/yêu cầu về thể loại VB thông tin thường gặp

### a. Yêu cầu ở mức nhận biết

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức của VB thông tin: cách triển khai thông tin của VB, phương tiện phi ngôn ngữ mà VB sử dụng.

- Nhận biết được thông tin cơ bản và thông tin chi tiết của VB.

- Nêu bố cục của VB thông tin.

- Nhận biết được yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận trong VB thông tin.

### b. Yêu cầu ở mức thông hiểu

- Phân tích được thông tin cơ bản và phân tích được vai trò của thông tin chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của VB.

- Hiểu và phân tích được tác dụng của việc sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ của VB.

- Nhận xét được cách sử dụng từ ngữ của VB.

- Phân tích được vai trò của các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong VB thông tin

**c. Yêu cầu ở mức vận dụng**

- Liên hệ được các thông tin trong VB với các vấn đề của xã hội đương đại: cách nghĩ, các giải pháp, ứng xử, thông điệp, ...

● **Lưu ý cách trả lời:**

- Ngắn gọn, đi trúng vào trọng tâm câu hỏi.

- Gắn với thực tiễn của đời sống

- Kết hợp giữa thông tin văn bản với vốn sống của bản thân để trả lời một cách rành mạch, rõ ràng.

- Nên kết hợp suy nghĩ của bản thân với xu hướng của cộng đồng, liên hệ với những vấn đề có ý nghĩa trong cộng đồng xã hội.

**IV. Truyện lịch sử****1. Khái niệm**

- *Truyện lịch sử* là loại truyện lấy đề tài lịch sử (lịch sử quốc gia, dân tộc, dòng họ, danh nhân,...) làm nội dung chính. Trong khi kể lại các sự kiện, nhân vật, truyện lịch sử thường làm sống dậy bức tranh rộng lớn, sinh động về một thời đã qua và mang lại cho người đọc những nhận thức mới mẻ hay bài học sâu sắc.

**2. Đặc điểm thể loại**

**a. Cốt truyện:** Truyện lịch sử cần kết nối nhiều loại sự kiện liên quan đến quá trình hình thành, hưng thịnh, diệt vong của các nhà nước, những biến cố lớn trong đời sống xã hội ở một quốc gia, quan hệ giữa các quốc gia,...nên thường sử dụng cốt truyện đa tuyến...Đó là kiểu cốt truyện trình bày một hệ thống sự kiện phức tạp, liên quan đến nhiều tuyến nhân vật vận động, phát triển đồng thời. Các tuyến sự kiện này có thể được kể song hành, đan xen nhau trong một chương/hồi của truyện.

**b. Bối cảnh**

- Thời gian: Truyện lịch sử tái hiện sự kiện, nhân vật lịch sử gắn với một khoảng thời gian năm tháng, niên đại, thời đại cụ thể trong quá khứ. Quá khứ ấy thường cách xa thời điểm tác giả viết tác phẩm.

- Không gian: gắn với thời gian, xác định niên đại, thời đại cụ thể.

=> Trong bối cảnh ấy, cuộc sống con người và không khí thời đại hiện lên rõ nét, không lẫn với thời gian, không gian khác.

**c. Nhân vật:**

- **Nhân vật chính:** thường là những nhân vật mà cuộc sống, sự nghiệp của họ có ảnh hưởng đến tiến trình lịch sử của một dòng tộc, một quốc gia,...tên tuổi, công trạng được ghi chép trong lịch sử.

- **Nhân vật phụ:** thường do người viết bổ sung, có thể không có vai trò quan trọng về lịch sử, nhưng cần thiết cho việc làm nổi bật sự kiện, nhân vật chính.

**d. Ngôn ngữ:**

- Mang đậm sắc thái lịch sử, phải **phù hợp** với **bối cảnh** của **giai đoạn lịch sử** mà truyện tái hiện. Sắc thái này thể hiện thông qua các hệ thống chi tiết miêu tả thiên nhiên, đồ vật, ngoại hình nhân vật, cách sử dụng từ ngữ của người kể chuyện, cách nghĩ, cách nói năng của nhân vật trong bối cảnh lịch sử cụ thể.

**\* Cốt truyện đơn tuyến và đa tuyến**

| So sánh                    | Cốt truyện đơn tuyến   | Cốt truyện đa tuyến  |
|----------------------------|--|--|
| 1. Sự kiện                 | Cốt truyện chỉ có một chuỗi sự kiện đơn giản, gắn với một vài nhân vật chính tạo thành một tuyến truyện duy nhất | Cốt truyện có từ hai chuỗi sự kiện trở lên, gắn với hai hay hơn hai tuyến nhân vật, tạo thành nhiều tuyến truyện, đan xen nhau và ít nhiều độc lập với nhau.       |
| 2. Thể loại thường sử dụng | - Các truyện ngụ ngôn, truyện cười dân gian và phần lớn các truyện ngắn hiện đại thường có loại cốt truyện này.  | - Các tác phẩm tự sự nhiều chương/hồi như truyện lịch sử, truyện khoa học viễn tưởng, truyện trinh thám, tiểu thuyết hiện đại,... thường dùng cốt truyện đa tuyến. |

**3. Cách đọc hiểu thể loại VB truyện lịch sử**

- Xác định được các sự kiện lịch sử trong truyện.
- Chỉ ra được cốt truyện, bối cảnh, nhân vật chính trong truyện liên quan như thế nào với lịch sử và ngôn ngữ mang không khí, dấu ấn lịch sử,...
- Tìm hiểu sâu chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản truyện muốn thể hiện.
- Rút ra những tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết được thể hiện qua văn bản.

**4. Các dạng câu hỏi/yêu cầu về thể loại truyện thường gặp.****a. Yêu cầu ở mức nhận biết**

- Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật chính, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.

**b. Yêu cầu ở mức thông hiểu**

- Tóm tắt được cốt truyện.
- Nêu được chủ đề của văn bản.
- Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu.
- Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện.

- Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.

### c. Yêu cầu ở mức vận dụng

- Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.
- Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản.

## 4. Cách làm câu hỏi phần tự luận

- **Dạng 1:** Em hiểu chi tiết nào như thế nào? Chi tiết này giúp em cảm nhận điều gì về nhân vật?

### Cách trả lời:

+ Lí giải về các từ ngữ chỉ hành động, suy nghĩ,... của nhân vật có trong câu/chi tiết (nếu cần).

+ Diễn giải lại nội dung của câu văn (theo các vế câu, từ chìa khóa).

- Câu văn/chi tiết đó giúp em hiểu được đặc điểm tính cách của nhân vật thế nào, từ đó rút ra ý nghĩa tác phẩm trong phạm vi đoạn trích.

- **Dạng 2:** Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ/ lựa chọn ngôi kể/ tình huống truyện/ cách kết thúc truyện ... trong...?

### Cách trả lời:

+ **Gọi tên** biện pháp tu từ, **chỉ rõ** từ ngữ/hình ảnh chứa biện pháp; gọi tên ngôi kể (thứ nhất/thứ ba)/ tình huống truyện/ cách kết thúc truyện/...

+ Nêu hiệu quả, trả lời các câu hỏi:

++ Về nội dung: Sử dụng biện pháp tu từ/ ngôi kể/ tình huống/... nhằm nhấn mạnh/khẳng định vẻ đẹp/ tính cách nào của nhân vật, nổi bật sự việc, có ý nghĩa ra sao gì? Thể hiện thái độ/ tình cảm gì của tác giả về sự việc, nhân vật được kể?

++ Về nghệ thuật: Biện pháp tu từ/ngôi kể/ tình huống, ... có giúp câu văn (tác phẩm) giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn không?

- **Dạng 3: Rút ra bài học sâu sắc nhất/ thông điệp có ý nghĩa nhất từ đoạn trích và lí giải vì sao.**

+ Nêu ra 01 bài học/ thông điệp, gắn liền với nội dung chính của đoạn trích (không chép nguyên văn một câu văn trong đoạn trích).

+ Có giá trị nhân văn.

+ Diễn đạt bằng 01 câu đơn.

+ Lí giải tại sao chọn bài học, thông điệp đó (2 - 3 lí do)

## PHẦN 2: TIẾNG VIỆT

### I. Câu hỏi tu từ

- *Câu hỏi tu từ* là câu hỏi không nhằm mục đích tìm kiếm câu trả lời mà được sử dụng để nhấn mạnh nội dung người nói, người viết muốn gửi gắm.

### II. Biện pháp tu từ đảo ngữ

| Biện pháp tu từ đảo ngữ |  |
|-------------------------|--|
| 1. Đặc điểm             | Thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu. |

|                           |  |
|---------------------------|--|
| <b>2. Phân loại</b>       | 2 hình thức đảo ngữ:<br>+ Đảo các thành tố trong cụm từ.<br>+ Đảo các thành tố trong câu.  |
| <b>3. Tác dụng</b>        | - Nhấn mạnh đặc điểm, hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng, gọi ẩn tượng rõ hơn.<br>- Bộc lộ cảm xúc của người viết (người nói). |
| <b>4. Phạm vi sử dụng</b> | Thường dùng trong cả thơ và văn xuôi.  |

### III. Biệt ngữ xã hội

- *Biệt ngữ xã hội* là những từ ngữ được dùng hạn chế trong một nhóm người có chung một đặc điểm nào đó (nghề nghiệp, vị trí xã hội, tuổi tác,...)

Ví dụ: biệt ngữ của giới trẻ, biệt ngữ của những người trong triều đình phong kiến,...

- *Chức năng và giá trị*

+ Biệt ngữ xã hội gắn liền với môi trường và bản thân tầng lớp xã hội tạo ra nó. Mục đích sáng tạo ra biệt ngữ chính là để giữ bí mật trong phạm vi nhóm của mình -> Vì vậy, người ngoài không hiểu được biệt ngữ.

+ Theo thời gian, có những biệt ngữ dần dần trở nên phổ biến và sau đó trở thành từ ngữ toàn dân.

+ Trong các tác phẩm văn chương, điện ảnh, biệt ngữ xã hội được dùng như một phương tiện tu từ với mục đích làm cho câu chuyện và nhân vật trở nên chân thật hơn.

### IV. Các thành phần biệt lập

| Đặc điểm         | TP tình thái   | TP cảm thán  | TP gọi đáp                                      | TP phụ chú  |
|------------------|--|--|---|---|
| <b>Vị trí</b>    | Linh hoạt (đầu, giữa câu)  | Thường đứng đầu câu  | Thường đứng đầu câu                             | Linh hoạt, thường đặt trong dấu ngoặc đơn, giữa hai dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hoặc giữa dấu gạch ngang và dấu phẩy; có khi được đặt sau dấu hai chấm. |
| <b>Chức năng</b> | Thể hiện thái độ, cách đánh giá của người nói (người viết) đối với sự việc được nói đến trong câu. | Bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc của người nói, người viết (vui, buồn, ngạc nhiên, tức giận,...) | Dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp. | được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu.  |

|                                      |  |  |  |           |
|--------------------------------------|--|--|--|-----------|
| <b>Dấu hiệu, các từ ngữ thể hiện</b> | Các từ tình thái như: <i>hình như, dường như, có lẽ, chắc chắn,...</i> | Các từ ngữ cảm thán như: <i>Chao ôi, Trời ơi, Ôi, Hỡi ơi,...</i> | Các từ gọi – đáp như: <i>ơi, ạ, thưa, bầm, dạ, vâng, ...</i> | Linh hoạt |
|--------------------------------------|--|--|--|-----------|

### V. Đặc điểm và chức năng của câu hỏi, câu kể, câu khiến, câu cảm:

| Kiểu câu                                   | Chức năng  | Đặc điểm   |
|--|--|--|
| <i>Câu kể</i><br>( <i>Câu trần thuật</i> ) | Kể, miêu tả, thông báo, nhận định,...            | Thường kết thúc bằng dấu chấm (.).   |
| <i>Câu hỏi</i><br>( <i>Câu nghi vấn</i> )  | Dùng để hỏi                                      | - Sử dụng các từ nghi vấn ( <i>ai, gì, nào, tại sao, vì sao, bao giờ,...</i> )<br>- Kết thúc bằng dấu chấm hỏi (?).  |
| <i>Câu cảm</i>                             | Biểu lộ cảm xúc của người nói (hoặc người viết). | - Sử dụng các từ ngữ cảm thán: <i>ôi, chao, chao ôi, chà, trời,...</i> hoặc các từ chỉ mức độ của cảm xúc như: <i>quá, lắm, thật,...</i><br>- Thường kết thúc bằng dấu chấm than (!) |
| <i>Câu khiến</i>                           | Yêu cầu, đề nghị, ra lệnh,...                    | - Sử dụng những từ ngữ cầu khiến như: <i>hãy, đừng, chớ, đi nào,...</i><br>- Thường kết thúc bằng dấu chấm than(!).  |

### VI. Đặc điểm và chức năng của câu khẳng định và câu phủ định

| Kiểu câu              | Chức năng   | Đặc điểm  |
|-----------------------|---|---|
| <i>Câu khẳng định</i> | Khẳng định các hành động, trạng thái, tính chất, đối tượng trong câu. | - Thường không có phương tiện diễn đạt riêng.<br>- Có thể bắt gặp trong câu khẳng định những cấu trúc: <i>không phải không, không thể không, không ai không,...</i> |
| <i>Câu phủ định</i>   | P phủ nhận các hành động, trạng thái, tính chất, đối tượng trong câu. | - Thường sử dụng các từ ngữ phủ định như: <i>không, chẳng, không phải, chẳng phải, chả,...</i>  |

|  |  |  |
|--|--|--|
|  |  | - Có thể bắt gặp trong câu phủ định những cấu trúc: <i>làm gì..., mà...</i><br>Ví dụ: <i>Nó làm gì biết.</i> |
|--|--|--|

## B. PHẢN VIẾT

### I. Kiểu bài: Phân tích một tác phẩm văn học

#### 1. Lập dàn ý: bằng cách chọn lọc, sắp xếp các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của một bài văn, gồm: Mở bài - Thân bài - Kết bài

| Các phần        | Yêu cầu cụ thể  |
|-----------------|---|
| <b>Mở bài</b>   | - Giới thiệu, tác giả, tác phẩm<br>- Nhận xét chung về chủ đề và vài nét nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm  |
| <b>Thân bài</b> | Nêu chủ đề và phân tích các biểu hiện làm rõ chủ đề của tác phẩm:<br>- Nêu nội dung chính của tác phẩm<br>- Phân tích làm rõ chủ đề của tác phẩm:<br>- Phân tích tác dụng của các nét đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm: nghệ thuật xây dựng nhân vật, cốt truyện, tình tiết, lời văn, ngôi kể, ... |
| <b>Kết bài</b>  | Khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Nêu tác động của tác phẩm đối với em.   |

#### 2. Viết bài

- Dựa vào dàn ý đã lập để viết thành bài văn
- Lần lượt phân tích các yếu tố đặc sắc của truyện theo trình tự hợp lí. Với mỗi yếu tố cần chú ý điểm nổi bật, bằng chứng kèm theo và tác dụng của chúng.
- Trong phân tích chú ý tạo điểm nhấn cho yếu tố hình thức được phân tích bằng những đánh giá, nhận xét xác đáng, tinh tế.

#### Lưu ý:

- Tách thân bài thành các ý chính đã lập. Mỗi ý thành một đoạn văn (mỗi luận điểm thành một đoạn, chú ý câu, từ liên kết giữa các đoạn).
- Chú ý bộc lộ cảm xúc của người viết trong quá trình lập luận.
- Dùng các loại câu khẳng định, phủ định, câu cảm để bộc lộ rõ quan điểm của mình về vấn đề nghị luận.

#### 3. Kiểm tra và chỉnh sửa

- Đọc lại bài viết, kiểm tra các ý đã đầy đủ và đúng trình tự được nêu ở dàn ý chưa.
- Phát hiện sửa lỗi về viết:
  - + Lỗi về ý: Thiếu ý (ý sơ sài, chưa nêu hết được những điều cần viết), ý lộn xộn (các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí), lạc ý (nêu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu), ý tản mạn (nêu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết)
  - + Lỗi về diễn đạt (dùng từ, viết câu), chính tả.

## II. Kiểu bài: Kể lại một chuyến đi

### 1. Yêu cầu

- Kể lại một chuyến đi theo ngôi thứ nhất.
- Nêu được các thông tin cơ bản về chuyến đi; miêu tả quang cảnh, không gian, thời gian diễn ra chuyến đi.
- Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lí.
- Kết hợp với yếu tố miêu tả hay biểu cảm, hoặc cả hai yếu tố để bài văn thêm sinh động, hấp dẫn.

### 2. Bố cục bài viết cần đảm bảo:

|   |
|---|
| <i>Lập dàn ý:</i> Sắp xếp các ý tìm được dựa vào cấu trúc:  |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Mở bài:</b> + Giới thiệu về chuyến đi.<br/>+ Nêu ấn tượng ban đầu về chuyến đi</li> <li>- <b>Thân bài:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nêu những thông tin cơ bản về chuyến đi.</li> <li>+ Thuật lại chuyến đi (thời gian, địa điểm, sự kiện, cảm xúc,...); kết hợp với miêu tả</li> <li>+ Nêu ấn tượng đặc biệt của người viết khi tham gia chuyến đi</li> </ul> </li> <li>- <b>Kết bài:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khẳng định lại tình cảm hay suy nghĩ sâu sắc của bản thân qua chuyến đi.</li> <li>+ Nêu cảm nhận chung hay bài học về chuyến đi.</li> </ul> </li> </ul> |

### Lưu ý:

- Tách thân bài thành các ý chính đã lập. Mỗi ý thành một đoạn văn ( chú ý câu, từ liên kết giữa các đoạn).
- Chú ý bộc lộ cảm xúc của người viết trong quá trình kể.
- Dùng các loại câu cảm, câu khẳng định, câu phủ định để bộc lộ tình cảm, cảm xúc và miêu tả sự việc, sự vật, quang cảnh.

### 3. Kiểm tra và chỉnh sửa

- Đọc lại bài viết, kiểm tra các ý đã đầy đủ và đúng trình tự được nêu ở dàn ý chưa.
- Phát hiện sửa lỗi về viết:
  - + Lỗi về ý: Thiếu ý (ý sơ sài, chưa nêu hết được những điều cần viết), ý lộn xộn (các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí), lạc ý (nêu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu), ý tản mạn (nêu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết)
  - + Lỗi về diễn đạt (dùng từ, viết câu), chính tả.

**PHẦN 2: CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KỶ HỌC KÌ II**

- *Hình thức:* Tự luận
- *Nội dung:* Các đơn vị kiến thức từ tuần 1 đến hết tuần 13.
- *Cấu trúc:* 6/4
- *Thời gian:* 90 phút
- *Thời gian thực hiện kiểm tra:* Theo kế hoạch chung của trường.

**1. Đọc: 6.0 điểm (Văn bản 5.0 điểm; Tiếng Việt 1.0 điểm)**

- Văn bản thơ, văn bản truyện (truyện hiện đại, truyện lịch sử), văn bản thông tin. (Chọn ngữ liệu ngoài SGK Chân trời sáng tạo)

**\* Đối với văn bản thơ:**

+ Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản văn học.

+ Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.

+ Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

+ Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.

+ Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại.

**\* Đối với văn bản truyện:**

+ Nhận biết và phân tích được nội dung, chủ đề, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong tác phẩm

+ Biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong văn bản.

+ Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bản thân, văn hoá, xã hội.

\* Thực hành Tiếng Việt: HS vận dụng các kiến thức về tiếng Việt để giải quyết các bài tập thực hành về tiếng Việt có liên quan đến ngữ liệu đọc hiểu

**2. Viết: 4.0 điểm**

- Viết bài văn kể về một chuyến đi/ viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học mà em yêu thích.

**MỘT SỐ ĐỀ THAM KHẢO****Đề 1:****I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:

**NHỚ BẠN PHƯƠNG TRỜI**

Ta nhớ người xa cách núi sông,  
 Người xa, xa lắm, nhớ ta không?  
 Sao đang vui vẻ ra buồn bã,  
 Vừa mới quen nhau đã lạ lùng.  
 Lúc nhớ nhớ cùng trong mộng tưởng,  
 Khi riêng riêng cả đến tình chung.

Tương tư lọ phải là mưa gió,  
 Một ngọn đèn xanh trổ điêm thùng.

Trần Tế Xương

(Nguồn Internet - Trang Thi Viện - Thơ Trần Tế Xương)

**Câu 1. (0.5 điểm)** Em hãy nêu thể thơ của bài thơ trên.

**Câu 2. (1.0 điểm)** Xác định các yếu tố thi luật sau của bài thơ: luật, vần.

**Câu 3. (1.0 điểm)** Em hãy nêu nội dung của bài thơ.

**Câu 4. (1.5 điểm)** Xác định câu thơ có sử dụng câu hỏi tu từ . Trình bày tác dụng của câu hỏi tu từ đã được sử dụng?

**Câu 5. (2.0 điểm)** Từ nội dung của bài thơ, em hãy viết đoạn văn ngắn từ 6 đến 8 câu nêu suy nghĩ của mình về tình bạn.

## II. LÀM VĂN (4.0 điểm)

Viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện mà em thích.

### Đề 2

#### I. Phần đọc hiểu (6,0đ)

Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

#### ĐÁ TRỔ BÔNG

*(Tóm tắt đoạn đầu: Khờ - tên do dân làng đặt, bị mẹ đem lên núi bỏ rơi năm lên 9 tuổi. Mẹ Khờ nói ở đây chờ chừng nào đá trổ bông mẹ sẽ đón về. Từ đó, Khờ ở với cư dân núi Trời với niềm tin đó)*

*...Thằng nhỏ từng có cái tên tử tế, nhưng người xóm núi quên mất rồi. Nói cho cùng, làm gì có tên nào hợp với nó, bằng tên Khờ. Trong thân xác thằng con trai sắp ba mươi, là một trí khôn của trẻ con năm bảy tuổi. Thời gian không làm mai một cái niềm tin rồi đá trổ bông, mẹ đón về.*

*Sống nhờ chén cơm của cư dân trên núi, nhưng Khờ chưa bao giờ làm họ tiếc vì đã nuôi dưỡng mình. Nhờ chi thằng nhỏ cũng làm, và nặng nhọc cỡ nào cũng không than vãn. Mưa nó đi cọ rửa những bậc đá đóng rêu, che giúp mái nhà ai đó, công bà Chín Sầu Đầu đi hốt thuốc nam chữa đau khớp, đón thằng Đen kẹt ở trường trong giông gió. Hạn qua nó kiếm củi phơi khô chất đầy miễu hoang, cả xóm xài mút mùa không hết. Mùa khô nào họ cũng uống nước mưa một tay Khờ gánh, từ ngôi chùa gần chân núi Xanh.*

*Suốt ba chục năm, duy nhất một lần Khờ rời núi chừng tuần lễ. Nó bị sét đánh. Cái đầu trọc của núi mà nó đang chặn giữ, không hiểu sao hay bị sét xuống thăm, đến cây cối không mọc nổi. Bữa đó giông khô, Khờ lom khom gom mớ thuốc nam chùa gửi phơi, thì bị sét quật lấn ra, tóc cháy xém. Câu đầu tiên nó nói khi tỉnh dậy, “đá trổ bông chưa?”*

*Tới ông trời còn không búng thằng Khờ ra khỏi mớ đá đó, người núi Xanh nói. Đúng lúc Khờ lại thêm một lượt gánh nữa ngang qua chỗ quán nước tôi ngồi cùng mấy bà trong xóm, nhe răng cười. Ở Khờ không có vẻ gì bơ vơ, dù đang một mình bơi giữa đá và nắng. Ngay khi nó bị che khuất bởi một cua gắt trên đường mòn, cũng để*

*lại cảm giác ấm áp, chắc nịch. Khó giải thích, nhất là nhân vật ấy mang trong mình một câu chuyện mùi lòng.*

*Hỏi mẹ Khờ có từng quay lại không, người núi Xanh nói biết đâu, giờ nhiều du khách lên đây, mặt mũi ai cũng dáo dác như ai, nhớ sao nỗi người phụ nữ mấy chục năm về trước. Thằng nhỏ hay bị du khách ghẹo, họ xưng mẹ nè con, mau về với mẹ. “Mẹ tui nói chừng đá trở bông mới lên đón, giờ có trở xiu nào đâu”, Khờ nói. Chỉ một lời dối ầu ơ, nhưng với bộ não ngờ nghệch của Khờ, đã thành một thứ dây trời bền dai, buộc nó mãi trên đỉnh núi. Mẹ Khờ có ở đây, chắc gì lay chuyển được nó, đá chưa nở bông nào.*

*Dân núi Xanh có lần hỏi tiếc, khi xúm nhau thuyết phục Khờ, rằng đám đá đó đâu thể trở bông được, sét đánh quá chừng mà, nhìn thì biết, tới cỡ còn không mọc nổi. Khờ nói luôn, vậy mấy cục đá hong bị trời đánh thế nào cũng có bông. Từ bữa đó nó leo trèo khắp núi. Lo bông đá đang trở ở hang hốc nào đó, nơi nó chưa mò tới. Còn cả xóm thì phấp phỏng sợ nó trượt chân.*

....

*Nắng vẫn xéo xắt, chưa chịu nguôi. Tôi quay lại đứng cái chân núi mà vài tiếng đồng hồ trước mình đứng ngán ngẩm vì nắng và hồ Xanh cạn đáy. Nghĩ chắc cũng không cần trèo lên chi, quá biết trên đó có những thứ gì, lại miếu cầu miếu cô, lại những quán xá đu theo vách đá, lại bày bán mấy thứ thần dược từ cỏ cây meo mốc chớ đâu.*

*Nhưng Khờ xuất hiện, với đôi thùng nước treo đầu gánh, rủ khơi khơi, lên núi chơi, bông đá nay mai sẽ trở.*

( Trích “Biển người mênh mông” - Nguyễn Ngọc Tư, NXB Trẻ  
T9/2012)

**Câu 1 (0.5 điểm).** Xác định ngôi kể và nhân vật chính trong truyện?

**Câu 2 (1 điểm).** Đoạn trích trình bày nội dung gì?

**Câu 3 (1,5 điểm).** - “Mẹ Khờ nói ở đây chờ chừng nào đá trở bông mẹ sẽ đón về.” câu nói của mẹ có ý nghĩa như thế nào đối với nhân vật?

Trong đoạn “ Sóng nhờ chén cơm của cư dân ... từ ngôi chùa gần chân núi Xanh” , em có nhận xét gì về nhân vật Khờ? Dựa vào đâu mà em có những nhận xét ấy?

**Câu 4 (1.0 điểm).** Xác định câu hỏi tu từ có trong đoạn văn? Nêu tác dụng của câu hỏi tu từ đó?

*Bữa đó giông khô, Khờ lom khom gom mớ thuốc nam chùa gửi phơi, thì bị sét quật lăn ra, tóc cháy xém. Câu đầu tiên nó nói khi tỉnh dậy, “đá trở bông chưa?”*

**Câu 5 (2.0 điểm).** Thông qua câu chuyện của Khờ, tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp gì? Hãy viết đoạn văn ngắn từ 3-5 dòng về bài học em nhận được từ ngữ liệu trên.

## II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện mà em yêu thích.

**ĐỀ 3****I. Phần 1: đọc hiểu (6đ)**

Đọc kĩ văn bản sau và trả lời câu hỏi:

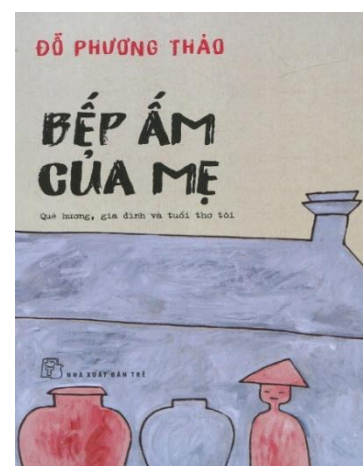
**“BÉP ẤM CỦA MẸ” – QUÊ HƯƠNG, GIA ĐÌNH VÀ TUỔI THƠ TÔI**

*"Nếu ngôi nhà có một trái tim, thì nó phải nằm trong căn bếp của mẹ."*

Trong cuộc đời mỗi người, chắc chắn ai cũng từng có cho mình một quãng thời gian tuổi thơ luôn in dấu trong tâm trí, với những trò chơi ngây ngô, những câu chuyện con nít thú vị, và một thứ hương vị không bao giờ có thể phai nhạt dù có trải qua bao năm tháng - hương vị của những bữa cơm gia đình. Đỗ Phương Thảo đã đưa chúng ta đến với những bữa cơm ngon, không khí bữa ăn gia đình và cách mọi người ứng xử trong bữa ăn ngày xưa qua cuốn sách *“Bếp ấm của mẹ”*.

*“Bếp ấm của mẹ”* là lời tự sự ngọt ngào mà đậm thắm, mang theo chút hương vị ấm áp của những bữa cơm gia đình về tuổi thơ của chính tác giả Đỗ Phương Thảo. Đọc tác phẩm, độc giả được theo chân bà ngược dòng thời gian trở về lúc bà còn là một cô bé mồ côi cả cha lẫn mẹ được bác gái ruột nhận nuôi, đến khi bà trở thành một cô thiếu nữ học nội trú ở trường Nữ học Hưng Yên, rồi tới lúc bà trở thành một thiếu phụ với một mái ấm riêng, với những thăng trầm trong cuộc sống của mình.

Cách câu chuyện được kể cứ nhẹ nhàng, từ từ, yên bình vô cùng, đôi lúc lại giống như một cuốn sổ ghi chép cách nấu những món ăn đã không còn xa lạ với mấy người: nào bún thang, nào món cuốn, nào ốc hấp, lươn om,... Cách bác gái chỉ dẫn tận tình mà chi tiết, không chỉ đơn giản là dạy nấu sao cho ngon, bày sao cho khéo, mà tận sâu trong đó là sự quý trọng nguyên liệu, quý trọng công sức con người vất vả làm ra hạt gạo, nhánh rau...



Khép cuốn sách lại, trong lòng là một mảnh bồi hồi, băng khuâng. Như là tác giả vừa nắm tay đưa ta

*Trang bìa cuốn sách "Bếp ấm của mẹ"*

đi một chuyến đi thật dài. Đi để thưởng thức hương vị mâm cơm của tuổi thơ, mâm cơm của người Việt. Đi để nhìn lại một thời lịch sử đằng đẵng khó quên... Để rồi khi kết thúc chuyến đi ấy, ta vẫn chưa muốn kết thúc cuộc hành trình. Nhìn về quá khứ để biết trân trọng hiện tại, để biết hướng đến tương lai, để biết rằng ảm thực truyền thống của dân tộc ta đẹp tới nhường nào, để góp một phần chung tay gìn giữ.

(Theo Trịnh Thanh Thảo, <https://tuoitre.vn/bep-am-cua-me-va-hoi-uc-xuc-dong-ve-nhung-bua-com-lanh>, 2/12/2019)

**Câu 1.** Văn bản trên thuộc loại văn bản thông tin nào? (0,25 đ) Cho biết yếu tố phi ngôn ngữ của văn bản trên. (0,25 đ). Trình bày cấu trúc của văn bản. (0,5 đ)

**Câu 2.** Nêu thông tin cơ bản của văn bản (1 đ)

**Câu 3.** Xác định câu văn có chứa thành phần biệt lập ở phần 1 của văn bản (đoạn văn được in đậm), gọi tên và nêu chức năng của 1 thành phần biệt lập. (1,5 đ)

**Câu 4.** Qua văn bản tác giả muốn chúng ta gìn giữ điều gì? (0,5 đ) Viết đoạn văn trình bày những suy nghĩ của em về *Bữa cơm gia đình*. (2.0 đ)

**II. Phần 2: VIẾT(4đ)**

Viết bài văn kể lại một chuyến đi đã để lại cho em nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc. (Bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm )

-----**HẾT**-----